

Bản án số: 1098/2020/HC-PT
Ngày: 15/12/2020
V/v “Khiếu kiện quyết định
hành chính”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận

Các thẩm phán:

1/ Ông Trần Nam Bình

2/ Bà Huỳnh Thụy Xuân Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Hoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 31/2020/TLPT-HC ngày 16 tháng 10 năm 2020, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5B140/2020/QĐ-PT ngày 1B1 tháng 11 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 199B16/2020/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Lý Thị Thu V, sinh năm 1962.

Trú tại: Số 128/1 đường B, Phường B1, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Minh T, sinh năm 1981 là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số công chứng 2B1990 lập ngày 0B1/12/2019 tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở: Số 1B1 Đường số 4, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1, sinh năm 2009.

Trú tại: Số 433/44/2 đường L, Phường B2, Quận F, Thành phố

Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Mã Xuân S1, sinh năm 1959, trú tại: Số 433/44/2 đường L, Phường B2, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh là người giám hộ trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1 (theo Giấy đăng ký giám hộ số 3 ngày 13/B1/2020 do Ủy ban nhân dân Phường B2, Quận F cấp).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Lý Thị Thu V có ông Đặng Minh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Lý Thị Thu V và ông Nguyễn Minh Châu (chết ngày 03/10/2019) là vợ chồng theo giấy đăng ký kết hôn số B18/KH/05, quyển số 01/PB1 do Ủy ban nhân dân Phường B1, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/9/2005. Trong quá trình chung sống bà V ông Châu không có con chung và sống tại nhà số 128/1 B, Phường B1, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào khoảng cuối tháng 4 đầu tháng 5/2009, khi bà V đang ở nước ngoài thì ông Châu gọi điện thoại nói có trẻ bị bỏ rơi và ông Châu muốn mang về nuôi dưỡng nhưng bà V không đồng ý. Sau đó bà V được biết ông Châu đã giao đứa trẻ cho bà Mã Xuân S1 nuôi dưỡng từ năm 2009 cho đến nay. Mọi việc liên quan đến chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ từ khi bà S1 tiếp nhận trẻ đến khi ông Châu chết đều do bà S1 và ông Châu tự thỏa thuận với nhau, bà V hoàn toàn không biết. Quá trình nuôi dưỡng, ông Châu là người đứng ra làm khai sinh cho trẻ để thuận lợi cho việc đi học. Khi làm xong khai sinh, ông Châu có cho bà V xem bản gốc Giấy khai sinh đăng ký ngày 08/6/2009, chỉ có tên trẻ là Nguyễn Minh Ngọc B1, sinh ngày 22/3/2009, phần tên cha và tên mẹ để trống, họ và tên người khai sinh là Nguyễn Minh Châu.

Ngày 12/10/2019, bà V mở kết sắt của ông Châu để lại và phát hiện Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 193/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 và Giấy khai sinh của trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1, với tên cha là Nguyễn Minh Châu và tên mẹ là Lý Thị Thu V. Bà V xác định chưa từng làm hồ sơ, thủ tục xin nhận con nuôi đối với trẻ B1 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D. Do đó, việc Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh công nhận bà V là mẹ của trẻ B1 là trái quy định của pháp luật, xâm phạm quyền nhân thân và quyền tài sản của bà V.

Bà V không đi làm thủ tục nhận nuôi con nuôi, Ông Châu và bà V là vợ chồng nên việc nhận con nuôi phải do cả hai người cùng đồng ý thì mới hợp pháp. Tại thời điểm ông Châu nhận con nuôi, ông Châu không cư trú tại địa chỉ 15C Đường số 4, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Nếu ông Châu cư trú tại địa chỉ này thì cơ quan xác nhận điều kiện nuôi con nuôi của ông Châu là Công an Phường A, Quận D, chứ không phải Công an Phường 14, Quận F xác nhận tại tờ cam đoan đề ngày 10/6/2009 (ngoài ra tại tờ cam đoan này cũng chỉ có xác nhận đối với ông Châu, không có xác nhận đối với bà V).

Nay bà V yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 193/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Xóa bỏ việc ghi tên cha mẹ trên giấy khai sinh của trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1 và sổ đăng ký khai sinh của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Ngày 15/4/2009, ông Châu có đơn tường trình sự việc gửi Ủy ban nhân dân, Công an, Ban Tư pháp, Hội chăm sóc và B1 về trẻ em Phường A, Quận D tường trình về sự việc: Ngày 12/4/2009, ông Châu và vợ chồng ông Đinh Xuân Trường cùng đi tập thể dục ở công viên Bình Phú thì có người phụ nữ ẵm một bé trai tới hỏi han, tâm sự hoàn cảnh khó khăn, rồi nhờ giữ con giùm để đi vệ sinh, sau đó không thấy quay lại nên ông Châu ẵm về nhà tại địa chỉ 15C, đường số 4, Phường A, Quận D nuôi dưỡng.

Ngày 24/4/2009, Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D có ghi nhận biên bản trẻ bị bỏ rơi tại địa chỉ 15C, đường số 4, Phường A, Quận D. Ngày 11/5/2009, Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D ban hành thông báo số 10B1/UBND về thông báo tìm cha, mẹ đẻ của trẻ bị bỏ rơi trong thời gian 30 ngày kể từ ngày 11/5/2009. Ngày 08/6/2009, ông Châu thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ B1, số khai sinh 216, quyển số 01/2009 và đã ký sổ bộ khai sinh theo quy định. Ngày 10/6/2009, ông Châu và bà Lý Thị Thu V có tờ cam đoan gửi Công an Phường 14, Quận F xác nhận về việc có nguyện vọng nuôi trẻ B1. Ngày 11/6/2009, ông Nguyễn Minh Châu và bà Lý Thị Thu V tiến hành việc đăng ký nuôi con nuôi theo quy định và nộp các tài liệu gồm: Bản sao giấy chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Minh Châu và bà Lý Thị Thu V; bản sao sổ hộ khẩu của bà Lý Thị Thu V; bản sao giấy chứng nhận kết hôn số B18/KH/05, quyển số 01/PB1 do Ủy ban nhân dân Phường B1, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/9/2005; Tờ cam đoan v/v xin nhận trẻ em làm con nuôi đề ngày 10/6/2009; Giấy thỏa thuận về việc cho và nhận con nuôi ngày 11/6/2009.

Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D căn cứ vào quy định tại Điều 16, Điều 25 Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 2B1/12/2005 và công văn hướng dẫn số 2620/STP-HT ngày 11/8/2006 ban hành Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 193/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 về việc ông Nguyễn Minh Châu và bà Lý Thị Thu V là cha mẹ nuôi của trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1, sinh ngày 22/3/2009. Ông Châu và bà V đã nhận quyết định này, có ký vào sổ nhận nuôi con nuôi.

Ngày 23/6/2009 Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D căn cứ Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 193/QĐ-UBND ngày 18/6/2009, đã bổ sung trên giấy khai sinh của trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1 nội dung họ tên cha là Nguyễn Minh Châu, họ tên mẹ là Lý Thị Thu V.

Quá trình ban hành quyết định nuôi con nuôi và giấy khai sinh đối với trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1, Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Qua phần trình bày người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà Mã Xuân S1 giám hộ cho trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1 trình bày:

Bà S1 là chị dâu của ông Nguyễn Minh Châu, ông Châu có vợ là bà Lý Thị Thu V. Vào khoảng giữa năm 2009, ông Châu có đề nghị bà S1 nuôi giùm trẻ bị bỏ

roi mà ông Châu nhật được và bà S1 đồng ý nuôi trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1 từ năm 2009 cho đến nay.

Ông Châu và trẻ B1 có hộ khẩu thường trú tại Phường 14, Quận F nhưng căn nhà này ông Châu đã bán và mua căn nhà 433/44/2 L, Phường B2, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cho trẻ B1 ở, ông Châu cũng nhờ bà S1 đến đây ở để tiện chăm sóc trẻ B1. Thỉnh thoảng vào cuối tuần, ông Châu và bà V đến thăm trẻ B1, dắt trẻ đi chơi, mối quan hệ giữa trẻ B1 và bà V bình thường, trẻ cũng không biết bản thân là con nuôi. Theo bà S1 được biết ông Châu muốn nhận nuôi trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1 nhưng bà V không đồng ý. Quá trình bà S1 nuôi trẻ B1 thì các giấy tờ liên quan đến trẻ B1 đều do ông Châu thực hiện. Bà S1 không làm thủ tục gì về hộ tịch cho trẻ B1, cũng như không có giữ bản chính giấy tờ về nhân thân của trẻ B1. Phía ông Châu mỗi tháng có đưa chi phí nuôi trẻ và tiền công bà S1 chăm sóc trẻ cho bà S1. Đến khi ông Châu chết thì mỗi tháng người làm việc cho ông Châu trước đây tiếp tục gửi chi phí nuôi trẻ và tiền công chăm sóc trẻ cho bà S1 (theo bà S1 thì tiền này là từ tài sản của ông Châu chết để lại). Hiện tại, trẻ B1 còn nhỏ, lại không có người thân nào khác ngoài bà S1 (với tư cách là Bác của trẻ, chồng bà và ông Châu là anh em ruột) và bà S1 cũng là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ B1. Bà S1 đồng ý đứng ra giám hộ cho trẻ B1 trong vụ án này và có nguyện vọng của bà S1 là xin được nhận trẻ B1 làm con nuôi nếu quyết định nuôi con nuôi bị Tòa án hủy bỏ.

Nay với yêu cầu của bà V, thì bà S1 đề nghị nếu có hủy quyết định nuôi con nuôi đối với trẻ B1 thì chỉ hủy một phần đối với bà Lý Thị Thu V, giữ nguyên phần quyết định đối với ông Nguyễn Minh Châu theo đúng ý chí nhận con nuôi của ông Châu.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 09/9/2020 Tòa án nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Thu V:

- Hủy toàn bộ Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của Ủy ban nhân dân Phường A Quận D về việc công nhận bà Lý Thị Thu V và ông Nguyễn Minh Châu là cha mẹ nuôi của trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1.

- Hủy bỏ nội dung các thông tin về cha nuôi (Nguyễn Minh Châu) và mẹ nuôi (Lý Thị Thu V) của trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1 trong Giấy khai sinh số 216 quyển số 1/2009 (đăng ký ngày 08/6/2009) do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D cấp và trong Sổ đăng ký khai sinh quyển số 01/2009 (trang 216) của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D.

Kiến nghị: Trong trường hợp trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1 không xác định được gia đình gốc và không có gia đình thay thế, Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm tìm người hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1, nếu có người nhận trẻ B1 làm con nuôi thì xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận D, Thành

phố Hồ Chí Minh và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện là không có cơ sở, không xác định rõ thời hiệu khởi kiện, xác định người giám hộ cho trẻ B1 là chưa chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu hủy Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 193/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Xóa bỏ việc ghi tên cha mẹ trên giấy khai sinh của trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1 và sổ đăng ký khai sinh của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Bà Mã Xuân S1 trình bày: Bà vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về hình thức: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình do Luật Tố tụng hành chính quy định.

+ Về nội dung: Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên kháng nghị cho rằng cấp sơ thẩm không làm rõ về thời hiệu khởi kiện của bà V, đưa bà Mã Xuân S1 tham gia vụ án với tư cách là người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1 là chưa khách quan và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, hủy toàn bộ quyết định nhận nuôi con nuôi là không có cơ sở vì căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì phần nhận nuôi con nuôi của ông Châu là hoàn toàn tự nguyện. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận D và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn luật định, đúng thủ tục.

Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D và bà Mai Thị Thanh Thủy là người B1 về quyền lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 15B1, Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận D và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

[2.1] Về quyền khởi kiện: Bà V không đồng ý với Quyết định công nhận

việc nuôi con nuôi số 193/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 115 Luật Tổ tụng hành chính bà V có quyền khởi kiện.

[2.2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Bà Lý Thị Thu V có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 193/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, Điều 31 Luật tố tụng hành chính năm 2015, đây là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 12/10/2019, bà V biết được Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 193/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 09/12/2019 bà V khởi kiện quyết định trên. Căn cứ vào Điều 116 Luật Tố tụng hành chính 2015, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2.4] Xét việc cử người giám hộ đối với trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1: Tòa án nhân dân Quận D đã có văn bản yêu cầu Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cử người giám hộ theo quy định. Cụ thể trẻ B1 đang cư trú tại Phường B2, Quận F. Do đó việc Ủy ban nhân dân Phường B2, Quận F tiến hành thủ tục đăng ký giám hộ là đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 54 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trẻ B1 là do bà Mã Xuân S1 chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi mới sinh vào năm 2009 cho đến nay, không có thân nhân nào khác ngoài bà S1. Do đó Ủy ban nhân dân Phường B2, Quận F cử bà S1 làm người giám hộ, đại diện cho trẻ B1 trong vụ án là đảm bảo quyền lợi cho trẻ B1.

[2.5] Xét Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 193/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về thẩm quyền ban hành quyết định: Căn cứ vào khoản 2 Điều 25 và Điều 26 Nghị định 158/NĐ-CP ngày 2B1/12/2005 và Thông tư 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008, Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định trên là đúng thẩm quyền.

Xét trình tự, thủ tục, nội dung ban hành Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D:

Điều 2B1 Nghị định 158/NĐ-CP ngày 2B1/12/2005 quy định: “1. Người nhận con nuôi phải trực tiếp nộp hồ sơ nhận con nuôi cho Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đăng ký việc nuôi con nuôi.; 2. Trước khi đăng ký việc nuôi con nuôi, cán bộ Tư pháp hộ tịch phải kiểm tra, xác minh kỹ các nội dung sau đây: a) Tính tự nguyện của việc cho và nhận con nuôi; b) Tư cách của người nhận con nuôi; c) Mục đích nhận con nuôi...”. Do đó bà Lý Thị Thu V và ông Nguyễn Minh Châu phải trực tiếp nộp hồ sơ nhận con nuôi cho Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D. Tuy nhiên, phía bà V trình bày bà V không làm thủ tục nhận trẻ B1 làm con nuôi và theo kết luận giám định số 2459/C09 ngày 16/6/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an kết luận: Chữ viết “Van” và chữ viết họ tên “Lý Thị Thu V” trên các tài liệu giám định ký hiệu từ A1 đến A5 (nêu tại mục II.1 gồm: “Đơn tường trình và xin đăng ký khai sinh cho con nuôi” ngày

0B1/5/2009, “Tờ cam đoan” đề ngày 10/6/2009, 02 “Giấy thỏa thuận về việc cho và nhận con nuôi” cùng đề ngày 11/6/2009, “Sổ đăng ký việc nhận nuôi con nuôi”) so với chữ viết mang tên Lý Thị Thu V trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 (nêu tại II.2 gồm: “Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông” ngày 28/8/200B1, “ 03 “Hợp đồng về việc thu gom và xử lý rác trên địa bàn Quận B2” đề các ngày 01/01/2008-01/01/2009-01/01/2010, “Hợp đồng dịch vụ cấp nước” đề ngày 16/01/2009, “Hợp đồng dịch vụ thu gom rác y tế” ngày 01/01/2011, “Đơn khởi kiện” đề ngày 0B1/12/2019, “Giấy ủy quyền” đề ngày 0B1/12/2019) là không phải do cùng một người viết (ký) ra. Chứng tỏ, việc bà V không làm thủ tục nhận trẻ B1 làm con nuôi là có thật, hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi không thể hiện có ý chí của bà V tự nguyện nuôi con nuôi.

Ngoài ra, “Tờ cam đoan” đề ngày 10/6/2009 chỉ có xác nhận chữ ký của ông Châu, 02 “Giấy thỏa thuận về việc cho và nhận con nuôi” cùng đề ngày 11/6/2009, chỉ có xác nhận hoàn cảnh kinh tế của gia đình ông Châu mà không có xác nhận đối với bà V, nên việc kiểm tra xác minh về người nhận nuôi con nuôi là chưa kỹ và có thiếu sót.

Từ đó có cơ sở khẳng định Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D ban hành ghi nhận bà Lý Thị Thu V nhận trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1 là con nuôi là không tự nguyện trái với quy định pháp luật.

Riêng đối với việc nhận nuôi con nuôi của ông Châu, tại “Tờ cam đoan” đề ngày 10/6/2009 có xác nhận chữ ký của ông Châu, 02 “Giấy thỏa thuận về việc cho và nhận con nuôi” cùng đề ngày 11/6/2009 có xác nhận hoàn cảnh kinh tế của gia đình ông Châu. Qua lời trình bày của ông T đại diện bà V và lời trình bày của bà S1, cho thấy không có ý kiến phủ nhận ông Châu có làm thủ tục nhận trẻ B1 làm con nuôi và không có tài liệu kết luận không phải chữ ký của ông Châu trong hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi. Như vậy, các tài liệu trong hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi thể hiện ông Châu có tự nguyện nhận trẻ B1 làm con nuôi.

Do đó Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lý Thị Thu V: Tuyên hủy một phần Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D về việc công nhận trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1 là con nuôi của bà Lý Thị Thu V. Hội đồng xét xử xét cần ghi nhận sự tự nguyện của ông Châu trong việc nhận nuôi trẻ B1 làm con nuôi của ông, đồng thời để B1 về quyền và lợi ích hợp pháp cho trẻ B1 về sau.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận D và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Thu V: Hủy một phần Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D về việc công nhận trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1 là con nuôi của bà Lý Thị Thu V.

Việc ghi tên cha mẹ của trẻ B1 trên giấy khai sinh và sổ đăng ký khai sinh là việc bổ sung giấy khai sinh của con nuôi theo quy định tại Điều 28 Nghị định 158/NĐ-CP ngày 2B1/12/2005. Tuy nhiên, như đã nhận định Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D bị hủy

một phần về phần mẹ nuôi tên Lý Thị Thu V, nên có đủ căn cứ hủy bỏ nội dung thông tin mẹ nuôi của trẻ B1 trong giấy khai sinh số 216 quyển số 1/2009 (đăng ký ngày 08/6/2009) do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D cấp và trong Sổ đăng ký khai sinh trẻ B1.

Bà Lý Thị Thu V tự nguyện chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết của bà V theo quyết định trưng cầu giám định số 12/2020/QĐ-TCGD ngày 05/5/2020, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do cha nuôi của cháu B1 là ông Nguyễn Minh Châu đã chết, nên trường hợp trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1 không xác định được gia đình gốc và không có gia đình thay thế, căn cứ Điều 15 Luật nuôi con nuôi năm 2010 và Luật Trẻ em năm 2018, Tòa án kiến nghị: Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm tìm người hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1, nếu có người nhận trẻ B1 làm con nuôi thì xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 60, Điều 116, Điều 15B1, Điều 158, Điều 241, Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Điều 68 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Luật Nuôi con nuôi năm 2010;

Luật Trẻ em năm 2018;

Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 2B1/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

Thông tư 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 2B1/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận D và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Thu V:

- Hủy một phần Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D về việc công nhận bà Lý Thị Thu V là mẹ nuôi của trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1. Buộc ủy ban nhân dân Phường A, Quận D ban hành quyết định nuôi con nuôi xóa bỏ tên mẹ nuôi Lý Thị Thu V, giữ nguyên tên cha nuôi Nguyễn Minh Châu của trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1 trong quyết định nuôi con nuôi.

- Hủy bỏ nội dung các thông tin về mẹ nuôi Lý Thị Thu V của trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1 trong Giấy khai sinh số 216 quyển số 1/2009 (đăng ký ngày 08/6/2009) do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D cấp và trong Sổ đăng ký khai sinh quyển số 01/2009 (trang 216) của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D. Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh lại giấy khai sinh cho trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1, bỏ tên mẹ nuôi Lý Thị Thu V, ghi tên cha nuôi là Nguyễn Minh Châu.

2. Kiến nghị: Trường hợp trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1 không xác định được gia đình gốc và không có gia đình thay thế, Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D có trách nhiệm tìm người hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Minh Ngọc B1, nếu có người nhận trẻ B1 làm con nuôi thì xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Hoàn trả lại cho bà Lý Thị Thu V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0011890 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận D;
- Tòa án nhân dân Quận D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thuận